TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07-12-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Tuyết Trinh;

Ông Nguyễn Quốc Trí.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2018/TLST-HNGĐ, ngày 21/9/2018 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/11/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Xuân Q, sinh năm 1983, địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Hoàng N, sinh năm 1982, địa chỉ: Ấp 4, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/6/2018, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân Q trình bày:

Chị và anh Trần Hoàng N do mai mối và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào tháng 7 năm 2009, đăng ký kết hôn ngày 28/9/2009 tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp. Việc chị kết hôn với anh N là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay đe dọa.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N không quan tâm đến gia đình, vợ con, anh chị thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đến tháng 01 năm 2013 chị và anh N sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân hai bên không gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn. Nay chị nhận thấy tình cảm giữa chị và anh N không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có một con chung là cháu Trần Thị Trúc H, sinh ngày 27/7/2010, hiện nay chị đang nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H đến trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Tờ trình ngày 24/9/2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, bị đơn anh Trần Hoàng N trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Xuân Q do quen biết và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn ngày 28/9/2009, tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp. Việc anh và chị Q kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay đe dọa, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn như chị Q trình bày là đúng, anh và chị Q đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay chị Q yêu cầu xin ly hôn với anh, anh không đồng ý, vì anh còn thương con.

Về con chung: Anh và chị Q có một con chung là cháu Trần Thị Trúc H, sinh ngày 27/7/2010, hiện đang do chị Q nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị Q ly hôn, anh thống nhất giao cháu H cho chị Q được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Q không có tài sản chung, không có nợ chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[1.1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Q và anh N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 28/9/2009, việc chị Q và anh N kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay đe dọa. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Q và anh N thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng. Trong thời gian sống ly thân anh, chị không gặp nhau để bàn tính chuyện hàn gắn, đoàn tụ. Xét thấy hôn nhân giữa chị Q và anh N là không được hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q đối với anh N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị Q và anh N có một con chung là cháu Trần Thị Trúc H, sinh ngày 27/7/2010, hiện nay chị Q đang nuôi dưỡng. Tại phiên tòa chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H đến trưởng thành, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Tại Tờ trình ngày 24/9/2018, anh N thống nhất giao cháu H cho chị Q được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Cháu Trần Thị Trúc H trình bày: Hiện nay cháu đang do chị Q nuôi dưỡng, nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu là được chị Q nuôi dưỡng.

Xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Q và anh N về nuôi con chung, xét nguyện vọng của cháu H là không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Q không có yêu cầu, nên N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, chị Q và anh N trình bày: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

Áp dụng các Điều 28, 35 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Xuân Q đối với anh Trần Hoàng N.

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Xuân Q và anh Trần Hoàng N về nuôi con chung, anh N thống nhất giao cháu Trần Thị Trúc H, sinh ngày 27/7/2010, hiện nay chị Q nuôi dưỡng cho chị Q được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành;

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Q không có yêu cầu, nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con;

- Anh Trần Hoàng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Xuân Q phải nộp 300.000đ tiền án phí Hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BH/2017-0004240 ngày

21/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, chị Q không phải nộp thêm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Q được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đối với anh N được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Thanh Bình;
- Chi cục THADS H.Thanh Bình;
- UBND xã 2;
- Các đương sự;
- Lưu HS/VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Văn Toán